TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

T

Bản án số: 586/2017/HSPT
Ngày: 31/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1062/2016/TLPT-HS ngày 23/12/2016 đối với bị cáo Đoàn Nguyên T và các bị cáo khác do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và kháng cáo của bị cáo Phạm Đại D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2016/HSST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:***

1. Đoàn Nguyên T, sinh ngày 05/7/1998 (khi phạm tội 17 tuổi, 10 tháng 13 ngày); nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 8/12; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Đoàn Thị Minh H; trước khi bị bắt sống chung như vợ chồng với chị Đoàn Thị H, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2015; chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2016; có mặt.

2. Phạm Đại D, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở: Tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; con ông

Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ; chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt giam từ ngày 22/3/2016; có mặt.

3. Vũ Văn C, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 10/12; con ông Vũ Văn T và bà Đoàn Thị Thanh T; chưa có vợ; chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt giam từ ngày 22/3/2016; có mặt.

**** Người bào chữa cho các bị cáo Đoàn Nguyên T, Phạm Đại D, Vũ Văn C:*** Ông Phạm Ngọc K - Luật sư Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

* Trong vụ án còn có bị cáo Đỗ Xuân P không kháng cáo, không bị kháng nghị và sáu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo. Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 08/3/2016, tại khu vực tổ 19, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Tổ công tác Công an phường T đã phát hiện và thu giữ của Đỗ Xuân P 01 gói giấy màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng (nghi là Hêrôin). Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố T đã phát hiện và thu giữ thêm tại túi quần bò của P đang mặc 01 gói giấy bạc màu vàng bên trong có chứa chất bột màu trắng (nghi là Hêrôin).

Quá trình điều tra, P khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 08/3/2016, P đến nhà Đoàn Nguyên T mua 02 gói Hêrôin của một người tên là Phạm Đại D với giá 100.000 đồng để sử dụng cho bản thân, chưa kịp sử dụng thì đã bị cơ quan Công an phát hiện, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/3/2016, tại khu vực tổ 1 phường Đ, thành phố T, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố T phát hiện Nguyễn Thanh B và Vũ Đức M đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Thu giữ của B và M 02 xi lanh nhựa đã qua sử dụng. B, M khai nhận: Khoảng

14 giờ ngày 21/3/2016, B và M rủ nhau đến nhà T mua ma túy về để sử dụng. Khi đến cổng nhà T, B và M gặp D, B đưa cho D 200.000 đồng, M đưa cho D 100.000 đồng để mua Hêrôin. Sau khi nhận tiền, D vào nhà T lấy Hêrôin bán cho B và M mỗi người một gói tùy theo giá tiền. Mua được Hêrôin, B và M tìm nơi sử dụng, vừa sử dụng xong thì B và M bị Công an phát hiện.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, tại khu vực tổ 1, phường T, thành phố T, Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố T đã tiến hành kiểm tra đối tượng Hoàng Doãn Đ có biểu hiện nghi vấn, thu giữ tại túi quần bò Đ đang mặc 01 gói chất bột màu trắng (nghi là Hêrôin). Tại cơ quan điều tra, Đ khai nhận số chất bột màu trắng nêu trên là Hêrôin, Đ vừa mua của T với giá 100.000 đồng để sử dụng cho bản thân, nhưng Đ chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Ngày 22/3/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã ra lệnh bắt, khám xét khẩn cấp đối với Đoàn Nguyên T. Khi đến cổng nhà T thì phát hiện Vũ Văn C đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thanh B và Vũ Đức M. Công an kiểm tra người C phát hiện và thu giữ tại túi quần bò của C 04 gói chất bột màu trắng (nghi Hêrôin). Tiến hành khám xét nơi ở của T thu giữ: trên mặt bàn trong gian buồng phía sau bên phải 01 gói nilon màu đỏ bên trong chứa chất bột màu trắng (nghi là Hêrôin); 03 gói bên ngoài bọc giấy trắng bên trong chứa chất bột màu trắng (nghi là Hêrôin) và thu giữ trong hộp nhựa nắp xanh 02 gói bên ngoài bọc nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghi là ma túy tổng hợp). Thu giữ trên giường gấp trong gian buồng phía sau, trong hộp đựng kính mắt màu nâu 01 gói bên ngoài bọc nilon màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng (nghi là Hêrôin).

Cơ quan điều tra tiến hành mở niêm phong, cân xác định trọng lượng và lấy mẫu vật gửi giám định số chất bột màu trắng thu giữ của Đỗ Xuân P, Hoàng Doãn Đ, Vũ Văn C, Đoàn Nguyên T. Kết quả:

- Chất bột màu trắng thu giữ của Đỗ Xuân P có trọng lượng 0,356 gam;

- Chất bột màu trắng thu giữ của Hoàng Doãn Đ có trọng lượng 0,028 gam;

- Chất bột màu trắng thu giữ của Vũ Văn C có trọng lượng 0,376 gam.

Tổng số chất bột màu trắng thu giữ khi khám xét nhà Đoàn Nguyên T có trọng lượng 23,674 gam và tổng số tinh thể màu trắng thu giữ khi khám xét nhà Đoàn Nguyên T có trọng lượng 20,249 gam.

Tại Bản kết luận giám định số 141/GĐMT ngày 15/3/2016, Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: 02 mẫu trong phong bì niêm phong kín có ký hiệu P, A1 gửi đến giám định có thành phần của chất ma túy là Hêrôin.

Tại Bản kết luận giám định số 162/GĐMT ngày 30/3/2016, Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Mẫu trong phong bì niêm phong kín có ký hiệu D1 gửi đến giám định có thành phần của chất ma túy là Hêrôin.

Tại Bản kết luận giám định số 156/GĐMT ngày 28/3/2016, Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: 04 mẫu trong phong bì niêm phong kín có ký hiệu C1, T6, T8, T12, gửi đến giám định có thành phần của chất ma túy là Hêrôin; 01 mẫu trong bì niêm phong kín có ký hiệu T10 gửi đến giám định có thành phần của chất ma túy tổng hợp là Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 676/C54/TT2 ngày 26/9/2016, Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: Mẫu niêm phong ký hiệu A1; A2; A4; A5; A6; A7 gửi giám định có hàm lượng Hêrôin lần lượt tương ứng là 76,4%; 77,8%; 76,5%; 73,9%; 76,8% và 76,9%. Mẫu ký hiệu A3 hàm lượng Methamphetamine là 70,6%.

Quá trình điều tra, T khai nhận: Khoảng tháng 12/2015, T bàn với D về việc mua ma túy về bán lẻ kiếm lời, đến khoảng tháng 02/2016 T rủ thêm C là anh họ của T cùng tham gia việc mua bán ma túy. T, D và C thống nhất, quy định cách thức bán ma túy như sau: T là người trực tiếp đi mua ma túy đem về giao lại cho D, D có nhiệm vụ cân, chia ma túy ra thành các gói nhỏ và bán cho các đối tượng nghiện. C có nhiệm vụ cầm tiền của những người đến mua ma túy đưa cho D và cầm ma túy đưa cho người mua. C không được chia ma túy và trực tiếp lấy ma túy mà phải thông qua D. Những lúc C không có mặt ở đó thì D trực tiếp bán ma túy, cuối ngày D đưa tiền bán ma túy trong ngày cho T. Khi có người đến mua ma túy, D và C sẽ hướng dẫn cách ra hiệu, nếu mua 50.000 đồng Hêrôin thì giơ 5 ngón tay lên; mua 100.000 đồng Hêrôin thì giơ 01 ngón tay, cứ

như vậy tăng theo các ngón tay, nếu giơ 02 ngón tay là mua 200.000 đồng Hêrôin. Còn mua ma túy đá cũng giơ tay như mua Hêrôin nhưng nói là "đá". Tiền của người mua ma túy được thả vào chiếc xô nhựa màu trắng để ở khu đất trống, giáp đống gạch phía trước cổng nhà T. Tiền lãi do bán ma túy, T cầm nuôi D và C ăn uống, khi nào D và C cần tiền T sẽ đưa tiền cho.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ khi khám xét nhà T ngày 22/3/2016, T khai: Khoảng 20 giờ ngày 21/3/2016, T đến khu vực cầu G thuộc xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên mua 01 gói Hêrôin và 01 gói ma túy tổng hợp dạng đá với giá 10.000.000 đồng của một người nam giới không rõ họ tên, địa chỉ, sau đó T giao lại toàn bộ số ma túy cho Phạm Đại D để D chia ra và cùng với C bán ma túy cho khách. T khai nhận trước đó thường mua ma túy của những người không quen biết ở khu vực đầu cầu G, sau đó về giao lại cho D để cân, chia ma túy thành các gói nhỏ để bán. Ngoài ra, T còn khai nhận ngày 21/3/2016 T trực tiếp bán cho Hoàng Doãn Đ 01 gói Hêrôin với giá 100.000 đồng.

Quá trình điều tra, D và C khai nhận phù hợp với lời khai của T. D, C khai đã nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng nghiện và nhớ một số lần như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 08/3/2016, D đã bán cho Đỗ Xuân P 02 gói Hêrôin với giá 100.000 đồng;

Lần thứ hai: Trong 3 ngày 19, 20, 21/3/2016, D đã nhiều lần bán Hêrôin cho Nguyễn Phương Đ1 mỗi lần 200.000 đồng;

Lần thứ ba: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/3/2016, D bán cho Nguyễn Thanh B 200.000 đồng Hêrôin và bán cho Vũ Đức M 100.000 đồng Hêrôin;

Lần thứ tư: Khoảng 13 giờ ngày 22/3/2016, D đã nhận của Nguyễn Thanh B 200.000 đồng và của Vũ Đức M 100.000 đồng, sau đó D giao cho C 04 gói Hêrôin để C bán cho B và M, nhưng C chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2016/HSST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố bị cáo Đoàn Nguyên T và Phạm Đại D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Vũ Văn C phạm hai tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Cố ý gây thương tích".

1. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 69 và Điều 74 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đoàn Nguyên T 07 (bảy) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2016.

2. Áp dụng điểm o khoản 2 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Đại D 09 (chín) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2016.

3. Áp dụng điểm o khoản 2 và khoản 5 Điều 194; điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 50; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt: Vũ Văn C 09 (chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 01 (một) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Đỗ Xuân P, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 15/KNPT/AN-MT ngày 29/11/2016, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Đại D, Vũ Văn C, Đoàn Nguyên T và xử tăng hình phạt tù đối với các bị cáo D, C.

Ngày 28/11/2016, bị cáo Phạm Đại D có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đoàn Nguyên T, Phạm Đại D và Vũ Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án hình sự sơ thẩm đã nêu. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Đoàn Nguyên T, Vũ Văn C không kháng cáo; bị cáo Phạm Đại D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố T, D, C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là đúng người, đúng tội, D cho rằng mức hình phạt 09 (chín) năm tù là nặng, còn T, C thừa nhận mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Các bị cáo đã nhận được Kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm o khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, xử phạt đối với T, D, C là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo có phần nặng, nếu có căn cứ thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, đồng thời phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo T, C, D. Từ đó cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có căn cứ, đúng pháp luật. Về áp dụng pháp luật: Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xác định trọng lượng chất ma túy trên cơ sở tỷ lệ hàm lượng làm căn cứ xét xử đối với các bị cáo là trái với quy định tại pháp luật, không phù hợp với Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007 và thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo hướng sửa bản án sơ thẩm; áp dụng điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với Vũ Văn C, Phạm Đại D, để xét xử tăng hình phạt tù đối với các bị cáo D, C. Còn đối với bị cáo Đoàn Nguyên T, đề nghị áp dụng điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự để xử phạt nhưng giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo. Trong vụ án còn có đối tượng Nguyễn Thanh B đã tham gia mua bán ma túy, số lượng Hêrôin B mua bán đủ căn cứ để điều tra, truy tố, xét xử. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kiến nghị cơ quan điều tra xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thanh B.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa cho bị cáo và các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người,

đúng tội, không oan. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với nhau về việc mô tả hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập lưu hồ sơ vụ án như: Lời khai của các bị cáo, lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Do hám lời, nên khoảng tháng 12/2015, Đoàn Nguyên T và Phạm Đại D đã bàn bạc cùng nhau mua ma túy về bán lẻ kiếm lời. Đến tháng 02/2016, T rủ thêm Vũ Văn C cùng tham gia vào việc bán ma túy, trong thời gian trên T, D và C đã nhiều lần bán ma túy các đối tượng nghiện; cụ thể: từ ngày 08 đến ngày 22/3/2016 T, D và C đã bán ma túy cho Đỗ Xuân P 02 gói có trọng lượng 0,356 gam Hêrôin, bán cho Hoàng Doãn Đ 0,028 gam Hêrôin, bán cho Nguyễn Thanh B và Vũ Đức M 0,37 gam Hêrôin. Ngoài ra, khi khám xét còn thu giữ của C và ở nhà T 20,249 gam tinh thể màu trắng có thành phần Methamphetamine và 23,674 gam Hêrôin mà T, C và D khai đều có ý định bán cho các đối tượng nghiện.

[1] Xét Kháng nghị phúc thẩm số 15/KNPT/AN-MT ngày 29/11/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại các bản kết luận giám định số 141/GĐMT ngày 15/3/2016; số 162/GĐMT ngày 30/3/2016 và số 156/GĐMT ngày 28/3/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên đều kết luận số ma túy gửi giám định có thành phần Methamphetamine và thành phần Hêrôin.

Để đảm bảo việc xét xử đúng pháp luật, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ra Quyết định trưng cầu giám định, đề nghị Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tiến hành giám định lại, xác định hàm lượng ma túy cụ thể trong từng mẫu vật là đúng quy định tại điểm 1.4 mục 1 phần I Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 24/12/2007 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự năm 1999, Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 14/11/2015 sửa đổi bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP ngày 24/12/2007 nói trên và các văn bản pháp luật khác.

Tại bản kết luận giám định số 676/C54 (TT2) ngày 26/9/2016 của Viện khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an kết luận: mẫu vật niêm phong ký hiệu A1; A2; A4; A5; A6; A7 gửi giám định có hàm lượng Hêrôin lần lượt tương ứng là 76,4%; 77,8%; 76,5%; 73,9%; 76,8% và 76,9%. Mẫu ký hiệu A3 hàm lượng Methamphetamine là 70,6%.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào kết quả giám định hàm lượng Hêrôin có trong các gói nhỏ mà tổng trọng lượng 24,434 gam hàm lượng tương ứng với 18,37gam Hêrôin tinh chất để xét xử là có căn cứ pháp luật. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC – TANDTC – BTP ngày 24/12/2007 thì tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của cả hai chất Methamphetamine và Hêrôin trong vụ án này là 75,49% (14,29gam Methamphetamine so với mức tối thiểu là 100 gam ở điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự là 14,29% và 18,37 gam Hêrôin so với mức tối thiểu 30 gam ở điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự là 61,2%), dưới 100% nên các bị cáo Đoàn Nguyên T, Phạm Đại D và Vũ Văn C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp quy định tại điểm o khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Giữ nguyên quyết định về hình phạt tù của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đoàn Nguyên T, Vũ Văn C.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt tù của bị cáo Phạm Đại D thì thấy: Mặc dù, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, song bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 (chín) năm tù là có căn cứ, không nặng. Tại phiên tòa hôm nay không có thêm tình tiết đặc biệt quan trọng nào làm căn cứ để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định về hình phạt tù của bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[4] Bị cáo Đoàn Nguyên T và Vũ Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Đại D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng nghị của Viện trường Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và kháng cáo của bị cáo Phạm Đại D. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt tù đối với các bị cáo Đoàn Nguyên T, Phạm Đại D và Vũ Văn C.

[2] Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đoàn Nguyên T 07 (Bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2016.

[3] Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Đại D 09 (Chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2016.

[4] Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật hình sự, xử phạt Vũ Văn C 09 (Chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", tại Bản án hình sự sơ thẩm 66/2016/HSST ngày 15/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2016.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Bị cáo Phạm Đại D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THA dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Mai Anh Tài